CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***536 823***	***109 143***	***427 680***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**157 300**	**34 415**	**122 885**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***10 621***	***10 495***	***126***			
1		KDT MIỀN BẮC	20/8	2145/8	30/8	THANH BÌNH 18	CÁM 5A.1	2 200	2 175	25	27/8	PTCB	
2		CP XNK THAN	21/8	2149/8	31/8	VIỆT THUẬN 03-02	CÁM 5A.1	2 969	2 898	71	27/8	PTCB	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/8	2018B/8	31/8	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160	1 140	20	27/8	TD	Tiếp theo TBRT 2018/8
4		KDT MIỀN BẮC	25/8	2153/8	31/8	HD 5935	CÁM 1	2 892	2 887	5	27/8	TD	
5		ĐTTM & DỊCH VỤ	27/8	2170/8	31/8	BN 2879	CÁM 4A.1	1 400	1 395	5	27/8	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***30 699***	***23 920***	***6 779***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/8	522/8		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 100	23 546	1 554	RỐT DỞ	HỘ LỚN	TTCO: 25.100
2		KDT HẢI PHÒNG	27/8	2173/8	31/8	BN 2638	CÁM 5A.1	1 923		1 923		PTCB	
3		XD CN MỎ	26/8	2121/8	31/8	BN 8707	CỤC XÔ 1C	1 300	182	1 118	RỐT DỞ	TD	GIA HẠN L1
4		KDT MIỀN BẮC	26/8	2156/8	31/8	HP 5915	CÁM 1	2 376	192	2 184	RỐT DỞ	TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***115 980***		***115 980***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	27/8	525B/8		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600		26 600		HỘ LỚN	TTCO: 17.600 TTHG: 9.000 Thay TBRT 525/8
4		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	27/8	532/8		VIỆT THUẬN 26-02	CÁM 5A.10	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTCO: 25.600
5		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/8	2115/8	25/8	HN 2402	CÁM 4A.1	2 500		2 500		TD	
6		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2142/8	27/8	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	
7		THAN MIỀN TRUNG	20/8	2045/8	27/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
8		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2138/8	27/8	BN 1818	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
9		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2143/8	27/8	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400		1 400		TD	
10		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2144/8	27/8	BN 2706	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	
11		CP VẬN TẢI THỦY	24/8	2152/8	31/8	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
12		ĐTTM & DỊCH VỤ	25/8	2020/8	31/8	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	GIA HẠN L2
13		DDTKST ĐÔNG BẮC	26/8	2155/8	31/8	BN 2869	CÁM 4A.1	2 000		2 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
14		KDT HẢI PHÒNG	26/8	2164/8	31/8	BN 1826	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**214 300**	**42 390**	**171 910**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***90 550***	***42 390***	***48 160***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/8	516/8		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	17 590	23 660	DỞ	HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM:20.000 - KVCP:11.250
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/8	524/8		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 6A.1	26 300	21 100	5 200	DỞ	HỘ LỚN	TTHG:21.000 - KVCP:5.300
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/8	529/8		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	3 700	19 300	DỞ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 KVCP: 5.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***123 750***		***123 750***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/8	517B/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỚN	KDTCP: 7.000 - XNKT:10.000 - KVCP:11.2650 Thay TBRT Số 517/8
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/8	526/8		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 500		27 500		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - XNKT:13.000 - KVCP:4.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/8	530/8		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 600		23 600		HỘ LỚN	TTHG: 23.600
4		XNK THAN	27/8	2167/8		VIET THUAN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000		44 000		TD	KVĐB: 44.000
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**69 477**	**13 551**	**55 926**			
	Tàu đã làm hàng							***6 500***	***6 209***	***291***			
1		TRƯỜNG ANH 888	20/8	2140/8	27/8	BN 1883	CỤC XÔ 1B	1 300	1 269	31	27/8	TD	NGUỒN ĐN-C6
2		KDT CẦU ĐUỐNG	26/8	2161/8	31/8	QN 8539	CỤC XÔ 1B	1 100	1 094	6	27/8	TD	NGUỒN TN
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	21/8	1973/8	28/8	NĐ 3692	CÁM 8A	2 400	2 314	86	27/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
4		CBT QUẢNG NINH	25/8	1993/8	31/8	QN 8759	CÁM 8B	1 700	1 531	169	27/8	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 2
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***17 058***	***7 343***	***9 715***			
1		KDT HÀ BẮC	20/8	2136/8	30/8	BN 2555	CÁM 7B	2 950	1 211	1 739	RỚT DỞ	PTCB	NGUỒN CS
2		KDT BẮC TRUNG BỘ	26/8	2158/8	31/8	NB 8308	CÁM 7B	3 100		3 100		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
3		THAN SÔNG HỒNG	26/8	2157/8	31/8	BN 2635	CỤC DON 8C	900		900	RỚT DỞ	TD	NGUỒN HL
4		VIỆT THUẬN 235-07	18/8	4 240		QNL - TĐ 09	TNK - LÀO	6 228	6 131	97	BỐC DỞ	BỐC THAN NK	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5		MV WOOLLOOMOOLOO	19/8	4246		CẨM PHẢ 22	TNK - ÚC	3 880		3 880		BỐC THAN NK	
	Tàu đã làm lệnh							***45 919***		***45 919***			
1		KDT MIỀN BẮC	27/8	2171/8	31/8	HP 4910	CÁM 6B.1	2 155		2 155		PTCB	NGUỒN HL
2		XNK ANH KHOA	25/8	2091/8	31/8	HP 6563	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN L
3		TĐ THÁI SƠN HP	25/8	2097/8	31/8	QN 8876	CÁM 8A	1 986		1 986		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
4		TRƯỜNG ANH 888	26/8	2107/8	31/8	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN 1
5		THAN MIỀN TRUNG	26/8	2109/8	31/8	VIỆT TRUNG 69	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
6		XNK VTA	26/8	2113/8	31/8	QN 8764	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS GIA HẠN LẦN 1
7		TRƯỜNG ANH 888	26/8	2116/8	31/8	AN VINH 68	CÁM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
8		XDCN MỎ	19/8	2118/8	29/8	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6
9		XNK ANH KHOA	19/8	2128/8	29/8	HOÀNG ANH 28	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		KDT HÀ NỘI	19/8	1922/7	26/8	BN 0988	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C7
11		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2132/8	27/8	LAM HỒNG 99	CÁM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2137/8	27/8	BN 3046	CÁM 8A	1 800		1 800		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		SX & TM THAN UÔNG BÍ	20/8	2139/8	27/8	HD 2325	CÁM 8A	1 360		1 360		TD	
14		DVVT QUẢNG NINH	21/8	1937/8	28/8	BN 2139	CỤC XÔ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 3
15		VẬN TẢI & KDT	21/8	2033/8	28/8	BN 1336	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
16		DVVT QUẢNG NINH	21/8	2044/8	28/8	BN 2388	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
17		XNK ANH KHOA	22/8	2150/8	29/8	TIẾN THỊNH 09	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	
18		CP VẬN TẢI THỦY	25/8	2074/8	31/8	BN 2222	CÁM 8A	1 672		1 672		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN LẦN 1
19		CP VẬN TẢI THỦY	25/8	2154/8	31/8	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS
20		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/8	2163/8	31/8	HD 9189	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS
21		XDCN MỎ	26/8	2162/8	31/8	NB 8530	CÁM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN CS
22		SX & TM THAN UÔNG BÍ	26/8	2166/8	31/8	BN 1997	CỤC XÔ 1A	550		550		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XÔ 1B	550		550			
23		KDT CẦU ĐUỐNG	27/8	2168/8	31/8	BN 2212	CÁM 8A	1 921		1 921		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 1943/7
24		THAN MIỀN TRUNG	27/8	2169/8	31/8	TỦ LINH 89	CÁM 8A	1 060		1 060		TD	NGUỒN ĐN-C6
25		THAN SÔNG HỒNG	27/8	2172/8	31/8	QN 8547	CÁM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		MV WOOLLOOMOOLOO	19/8	4 246		CẨM PHẢ 22	TNK - ÚC	3 880		3 880		BỐC THAN NK	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**1 620**	**-**	**1 620**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***1 620***		***1 620***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	27/8	531/8	31/8	QN 4080	CẨM 5B.10	1 620		1 620		HỘ LỚN	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**18 820**	**5 117**	**13 703**			
	Tàu đã làm hàng							***3 685***	***3 670***	***15***			
1		KDT MIỀN BẮC	21/8	2147/8	31/8	BN 2728	Cám 6a.1	2 585	2 578	7	27/8	PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/8	2165/8	31/8	BN 2196	Cục Xô 1b	1 100	1 092	8	27/8	TD	NGUỒN DH
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***5 785***	***1 447***	***4 338***			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	26/8	2159/8	31/8	HOÀNG GIA 56	CỤC 4A.2	1 370		1 370		HỘ LỚN	NGUỒN QH+KDTCP
2		NHÔM ĐĂK NÔNG	26/8	2160/8	31/8	HOÀNG GIA 56	CẨM 5A.1	1 715	370	1 345	RỚT DỞ	HỘ LỚN	NGUỒN DH
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	27/8	2178/8	31/8	MINH TÂN 68	CẨM 5B.1	2 700	1 076	1 624	RỚT DỞ	PTCB	Thay TBRT 2084/8
	Tàu đã làm lệnh							***9 350***		***9 350***			
1		TĐ THÁI SƠN HP	20/8	2133/8	27/8	HP 7227	Cục Xô 1b	1 200		1 200		TD	
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	26/8	1941/8	31/8	BN 2808	Cục Xô 1b	1 100		1 100		TD	NGUỒN DH
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	27/8	2175/8	31/8	BN 1968	CỤC DON 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH
4		TRƯỜNG ANH 888	27/8	2176/8	31/8	HẢI AN 68	BÙN TUYỂN 3C	1 570		1 570		TD	NGUỒN QH
5		THAN MIỀN NAM	27/8	2174/8	31/8	FLJ 777	CỤC XÔ 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH
							CỤC DON 6B	1 150		1 150		TD	NGUỒN QH
6		THAN MIỀN NAM	27/8	2177/8	31/8	PHÚC THỊNH 18	BÙN TUYỂN 3C	1 930		1 930		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**50 000**	**2 100**	**47 900**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***15 000***	***2 100***	***12 900***			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000	2 100	12 900			
	Tàu đã làm lệnh							***35 000***		***35 000***			
1		HÀN QUỐC	14/8	5742		MV JIAN RUI 7	Cục 4A.3	4 000		4 000			
2		HÀN QUỐC	17/8	68/8		MV HAI PENG	CỤC 4B.3	5 000		5 000			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		INDONESIA	17/8	5771		MV LI FA 2	CỤC 5B.2	23 000		23 000			
4		NHẬT BẢN	21/8	5887		MV RICH OCEAN	CÁM 3B.1	1 500		1 500			
							CÁM 3C.1	1 500		1 500			
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**25 306**	**11 570**	**13 736**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***20 306***	***11 570***	***8 736***			
1		NAM PHI	13/8	5705		MV COMMON SPIRIT		14 906	9 070	5 836	BỐC DỠ		TTCO: 5.000 - KVCP: 9.960
2		LÀO	21/8	5917		VIỆT THUẬN 26-03	Than Anthracite Lào	5 400	2 500	2 900			TTCO: 5.400
	Tàu đã làm lệnh							***5 000***		***5 000***			
1		LÀO	21/8	5919		VIỆT THUẬN 26-02	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			TTCO: 5.000